

Số: 101/KH-HTK

Buôn Hồ, ngày 25 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ, THI THỬ NĂM HỌC 2023-2024

Căn cứ quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; hướng dẫn số 1387/SGDDĐT-GDTrH-GDTX ngày 25/8/2023 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024; chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk; căn cứ Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thông tư 22/2021/TTBGDĐT ngày 20/7/2021 quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018) đối với lớp 6, 7, lớp 10, 11; thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT, ngày 03/8/2022 của Bộ giáo dục về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về chương trình giáo dục phổ thông mới 2018; tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2006) đối với lớp 9 và lớp 12.

- Căn cứ kế hoạch dạy học các môn học năm học 2023-2024, căn cứ nhiệm vụ năm học 2023-2024 của trường THPT Huỳnh Thức Kháng

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiểm tra đánh giá nhằm mục đích đánh giá đúng kiến thức, năng lực và phẩm chất của học sinh (khối 10, 11); đánh giá theo chuẩn kiến thức và kỹ năng (học sinh khối 12); đánh giá chất lượng dạy học của giáo viên, qua đó giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học, giúp học sinh phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu trong học tập.

2. Đề kiểm tra phải căn cứ vào “Chuẩn kiến thức, kỹ năng” trên cơ sở hướng dẫn thực hiện chương trình và điều chỉnh nội dung dạy học của Bộ GD&ĐT của môn học để đánh giá kết quả học tập của học sinh, đảm bảo khách quan, chính xác. Đánh giá đúng phẩm chất, năng lực người học.

3. Tổ chức kiểm tra bằng hình thức trực tiếp hay trực tuyến phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Nội dung kiểm tra tự luận, trắc nghiệm hoặc kết hợp trên cơ sở bám sát chương trình giáo dục phổ thông (2006 và 2018).

3. Rà soát chuẩn kiến thức, kỹ năng đồng thời phân loại và có kế hoạch bồi dưỡng phù hợp để nâng cao chất lượng tốt nghiệp THPT năm 2024.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên

1.1. Yêu cầu

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập,...

- Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm (cột) kiểm tra. *(Mỗi điểm (cột) kiểm tra có thể thực hiện nhiều lần nhưng phải đúng nội dung chương trình của cột kiểm tra đó đến khi đánh giá đúng năng lực học sinh mới lấy điểm (không lấy nội dung của bài kiểm tra này thay thế cho nội dung của bài kiểm tra khác). Mỗi điểm (cột) kiểm tra khi lấy giáo viên bộ môn phải thông báo cho học sinh)*

- Đối với cụm chuyên đề học tập của môn học ở cấp trung học phổ thông, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó và ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1

1.2. Số điểm (cột) kiểm tra/học kì

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐGtx;

- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐGtx;

- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐGtx.

Số điểm (cột) kiểm tra, đánh giá thường xuyên theo môn:

	Văn	Toán	Anh	TD	QP	Sử	GDDP	TN-HN	Lý	Hóa	Sinh	Địa	KT-PL	Tin	CN công	Ghi chú
10A1	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3	3(4)	3(4)			3		
10A2	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3	3(4)	3(4)			3		
10A3	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3	3(4)	3(4)				3	
10A4	4(5)	4(5)	4	2	2	3	2	2	3	3(4)			3	3	3	
10A5	4(5)	4(5)	4	2	2	3	2	2	3	3(4)			3	3	3	
10A6	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3(4)			3(4)		3	3	
10A7	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3(4)			3(4)		3	3	
10A8	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3(4)			3(4)		3	3	
10A9	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3(4)			3(4)	3	3		
10A10	4	4(5)	4	2	2	3(4)	2	2	3			3(4)	3	3	3	
11A1	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3	3(4)	3(4)			3		
11A2	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3	3(4)	3(4)			3		
11A3	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3	3(4)	3(4)				3	
11A4	4(5)	4(5)	4	2	2	3	2	2	3	3(4)			3	3	3	
11A5	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3(4)			3(4)		3	3	
11A6	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3(4)			3(4)		3	3	
11A7	4	4(5)	4	2	2	3	2	2	3(4)			3(4)	3	3		
11A8	4	4(5)	4	2	2	3(4)	2	2	3			3(4)	3	3	3	
12A1	4	4	4	3	2	3			4	3	3	3	3	3	2	
12A2	4	4	4	3	2	3			4	3	3	3	3	3	2	
12A3	4	4	4	3	2	3			4	3	3	3	3	3	2	
12A4	4	4	4	3	2	3			4	3	3	3	3	3	2	
12A5	4	4	4	3	2	3			3	3	3	3	3	3	2	
12A6	4	4	4	3	2	3			3	3	3	3	3	3	2	
12A7	4	4	4	3	2	3			3	3	3	3	3	3	2	
12A8	4	4	4	3	2	3			3	3	3	3	3	3	2	
12A9	4	4	4	3	2	3			3	3	3	3	3	3	2	

- Khối 10, 11 các lớp học chuyên đề tự chọn số điểm (cột) kiểm tra thường xuyên của môn học đó thêm 01 cột ở HKII.

- Đối với môn ghép tổ chuyên môn quy định số cột cụ thể cho mỗi môn.

- Thời gian hoàn thành từng cột kiểm tra thường xuyên trên SMAS để thực hiện kiểm tra công tác nhập điểm.

Môn	Khối	HKI				HKII				
		ĐG _{TX1} (Tuần)	ĐG _{TX2} (Tuần)	ĐG _{TX3} (Tuần)	ĐG _{TX4} (Tuần)	ĐG _{TX1} (Tuần)	ĐG _{TX2} (Tuần)	ĐG _{TX3} (Tuần)	ĐG _{TX4} (Tuần)	ĐG _{TX5} (Tuần)
Văn	10	4	8	12	16	22	25	28	32	34
	11	4	8	12	16	22	25	28	32	34
	12	4	8	12	16	22	25	28	32	34
Toán	10	4	8	12	15	21	24	27	30	34
	11	4	8	12	15	21	24	27	30	34
	12	4	8	12	15	21	25	29	32	
Anh	10	3	6	10	15	21	24	29	33	
	11	3	6	10	15	21	24	29	33	
	12	3	6	10	15	21	24	29	33	
GDTC /TD	10	8	15			25	32			
	11	8	15			25	32			
	12	5	10	15		23	28	33		
QP	10	8	15			25	32			
	11	8	15			25	32			
	12	8	15			25	32			
Sử	10	5	10	15		23	27	30	33	
	11	5	10	15		23	27	30	33	
	12	5	10	15		23	28	33		
GDDP	10	8	15			25	32			
	11	8	15			25	32			
	12									
TN-HN	10	8	15			25	32			
	11	8	15			25	32			
	12									
Lý	10	5	10	15		23	26	29	33	
	11	5	10	15		23	26	29	33	
	12	5	10	15		23	28	33		
Hóa	10	5	10	15		23	26	29	33	
	11	5	10	15		23	26	29	33	
	12	5	10	15		24	28	32		
Sinh	10	4	10	15		22	26	30	33	
	11	4	10	15		22	26	30	33	
	12	5	10	15		24	29	33		
Địa	10	4	12	16		22	26	30	33	
	11	4	12	16		22	26	30	33	
	12	4	12	16		22	29	33		
KT-PL	10	4	7	15		22	25	31		
	11	4	7	15		22	25	31		
	12	4	7	15		22	31			
Tin	10	5	10	15		23	28	33		
	11	5	10	15		23	28	33		
	12	5	10	15		23	28	33		
CNCông	10	5	10	15		23	28	33		
	11	5	10	15		23	28	33		
	12	8	15			25	32			

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

2.1. Yêu cầu

- Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính).

+ Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì đối với môn Ngữ văn, Toán là 90 phút, môn Tiếng anh 60 phút (*nghe, đọc, viết*), các môn còn lại là 45 phút.

+ Đối với môn Tiếng Anh, riêng bài kiểm tra cuối kỳ ở tất cả các khối lớp (trừ lớp 12 ở học kỳ II) phải có đầy đủ các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, kiến thức ngôn ngữ; trong đó, các kỹ năng: nghe, đọc, viết, kiến thức ngôn ngữ dùng hình thức viết với thang điểm là 8 điểm; kỹ năng nói là 2 điểm được thực hiện trước, trong hoặc khác buổi kiểm tra.

+ Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.2. Thời gian, hình thức kiểm tra

- Thực hiện trong tuần học theo kế hoạch môn học và được chuyên môn nhà trường điều chỉnh thời gian phù hợp:

+ Giữa kỳ I: từ tuần 8 đến tuần 12, giữa kỳ 2 từ tuần 25 đến tuần 29

+ Cuối kỳ I: tuần 17, 18 cuối kỳ 2: tuần 34, 35.

Các môn: Tin học, Công nghệ, Thể dục, Quốc phòng, Nghề phổ thông, Hoạt động trải nghiệm & hướng nghiệp, giáo dục địa phương giáo viên bộ môn căn cứ theo lịch để tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ cho phù hợp.

3. Các quy định thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá

3.1. Đối với học sinh

Tích cực ôn tập để đạt kết quả tốt nhất, hoàn thành các phần việc mà giáo viên bộ môn giao. Thường xuyên theo dõi lịch thi để chủ động thời gian.

Trường hợp nghỉ thi do ốm đau, tai nạn hay do hệ thống mạng của cá nhân trục trặc... phải báo ngay cho cán bộ coi thi để nhà trường tổ chức thi bù sung. Theo dõi lịch thi bù để tham gia kì thi bù. Các trường hợp khác xem như bỏ thi giáo viên bộ môn sẽ cho điểm **0 (không)** theo quy định.

Những trường hợp vi phạm quy chế thi. Tùy mức độ xử lý kỷ luật từ cảnh cáo, hủy kết quả bài thi và hạ hạnh kiểm.

3.1.1. Quy định kiểm tra trực tiếp

- Đến phòng thi đúng thời gian quy định.

- Chấp hành nghiêm túc quy định, sự hướng dẫn của cán bộ coi thi.

- Chỉ mang vào phòng thi những vật dụng quy định: Giấy nháp, máy tính cầm tay, bút mực, bút chì 4b-6b (môn thi trắc nghiệm). Phiếu trả lời trắc nghiệm phần số báo danh, mã đề thi ghi cẩn thận bằng bút mực, tô bằng bút chì không được sửa (nếu sửa bài làm không được tính),

3.1.2. Quy định kiểm tra trực tuyến (chuyển trạng thái khi cần thiết)

- Đăng nhập vào hệ thống học online theo hướng dẫn trước thời gian thi 5 đến 10 phút, **bắt camera trong suốt thời gian làm bài kiểm tra.**

- Đăng nhập vào hệ thống kiểm tra theo hướng dẫn của cán bộ coi thi.

- Trong suốt thời gian kiểm tra không được rời khỏi vị trí, không mở đồng thời các phần mềm, ứng dụng khác trên máy tính, không sử dụng các phương tiện khác có kết nối internet hay làm việc riêng.

- Những trường hợp không đảm bảo thiết bị (camera, mạng...) theo quy định thì đăng ký lên tại trường thực hiện kiểm tra trực tiếp.

- Khi có tín hiệu hết giờ phải thực hiện nộp bài đúng quy định.

3.2. Đối với giáo viên bộ môn

- Chịu trách nhiệm tiến độ chương trình, chất lượng bộ môn của lớp giảng dạy. Thực hiện giảng dạy đúng tiến độ kế hoạch dạy học của bộ môn. Trường hợp chậm chương trình phải có kế hoạch dạy bù kịp thời. Tăng cường ôn tập cho học sinh để đảm bảo chất lượng

- Đa dạng hình thức kiểm tra thường xuyên (hỏi đáp, giao bài, thực hành, kiểm tra qua mạng...). Thực hiện đủ số điểm (cột) kiểm tra/học sinh theo quy định.

3.3. Đối với giáo viên coi thi

- Theo dõi lịch phân công điều động coi thi trên email nội bộ hoặc trên bảng tin và đến đúng giờ để nhận nhiệm vụ.

- Thực hiện coi thi đúng quy chế, ký tên đầy đủ vào phiếu trả lời trắc nghiệm (bài thi tự luận) và giấy nháp của học sinh.

- Thu bài thi của học sinh khi hết giờ làm bài, kiểm đếm, rà soát các sai sót của học sinh đầy đủ trước khi bàn giao bài cho người được phân công nhận bài thi.

- Lập biên bản các trường hợp vi phạm quy chế thi.

- Kiểm tra trực tuyến phải giám sát **Camera, Mic** thường xuyên, **bật chế độ ghi lại màn hình** máy tính, giám sát học sinh làm bài, xử lý các trường hợp vi phạm quy chế.

3.4. Đối với giám sát thi

- Thực hiện bao quát các phòng thi được phân công, nhắc nhở cán bộ coi thi, học sinh thực hiện đúng quy chế thi.

- Lập biên bản cán bộ coi thi, học sinh vi phạm quy chế thi.

3.5. Đối với tổ chuyên môn

- Phân thời gian hoàn thành các cột kiểm tra thường xuyên cụ thể, phân số điểm (cột) kiểm tra đối với môn ghép (Đại số - Hình học)

- Xây dựng ma trận đề kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ và phổ biến đến tất cả giáo viên đảm bảo số câu theo quy định:

Môn	Thời gian làm bài	Kiểm tra tự luận – trắc nghiệm		Kiểm tra trắc nghiệm
		30% tự luận	70% trắc nghiệm	
Toán	90 phút	1 đến 3 câu (30 phút)	35 câu (60 phút)	50 câu
Tiếng Anh	60 phút	Theo đặc thù khối bộ môn (20 phút)	34 câu (40 phút)	50 câu
KHTN, GDCD	45 phút	1 đến 3 câu (15 phút)	28 câu (30 phút)	
Lịch sử, Địa lý		1 đến 3 câu (27 phút)	16 câu (18 phút)	

- Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giáo viên ra đề thi, đảo đề thi (đảm bảo trong nội dung của một đề thi có ít nhất 2 giáo viên ra đề). Đề thi được soạn trên phần mềm Smas text với 2 đề độc lập đảo thành 8 mã đề (đề trắc nghiệm). Nộp đề cho nhà trường trước ngày thi 1 tuần (2 đề/môn/khối: nhà trường bốc 1 trong 2 đề, đề còn lại làm đề dự phòng). Không nộp đáp án, sau thời gian thi các tổ công bố đáp án.

- Tổ chức thẩm định đề thi để điều chỉnh kịp thời những sai sót của đề thi trong quá trình tổ chức thi hoặc đáp án trước khi chấm thi.

- Phát hiện, lập biên bản các trường hợp bất thường nghiêm trọng của đề thi và kiến nghị hướng xử lý.

- Giáo viên ra đề thi phải bám vào ma trận đảm bảo thời gian, số câu, các mức độ nhận thức của câu. Chịu trách nhiệm độ chính xác về chính tả nội dung câu, độ bảo mật của đề và nộp đề đúng thời gian quy định (*Không sử dụng nguyên 1 đề trên mạng*). Nghiên cứu ra các nội dung đề phù hợp kiểm tra trực tuyến, đảm bảo đánh giá đúng năng lực học sinh.

3.6. Công tác chuẩn bị thi

- Bộ phận hành chính căn cứ số lượng học sinh môn thi để chuẩn bị đầy đủ giấy A4, giấy thi A3 theo mẫu, giấy niêm phong đề thi... Đảm bảo cho công tác in ấn đề thi, phiếu trả lời trắc nghiệm, phân phiếu trả lời trắc nghiệm (**mỗi bài thi một phiếu**), giấy thi của mỗi buổi thi.

- Thư ký hội đồng, bộ phận khảo thí phân phòng thi, danh sách thí sinh và công bố tại bảng tin, website để học sinh biết thông tin. Phân công giáo viên tham gia coi thi đảm bảo số lượng giáo viên tại mỗi phòng thi, giáo viên làm công tác giám sát thi, giáo viên dự phòng để thay thế khi có các trường hợp đột xuất... In ấn đề thi đảm bảo số lượng đề cho mỗi phòng và đề dự bị. Điều hành các buổi thi đúng quy chế. Đánh và cắt phách đối với bài thi tự luận, quét bài thi và lưu hình ảnh đối với bài thi trắc nghiệm. Giáo bài thi tự luận sau cắt phách, phiếu trả lời trắc nghiệm sau quét cho tổ chuyên môn để tiến hành chấm tự luận, chấm phần trắc nghiệm (sau thẩm định đề, đáp án) và giao kết quả điểm phần trắc nghiệm cho tổ chuyên môn. Tiếp nhận phúc khảo bài thi. Kết nối điểm lên Smats sau khi tổ chuyên môn bàn giao điểm.

- Bộ phận tạp vụ thu dọn rác tại các phòng thi sau mỗi buổi thi.

- Bảo vệ thực hiện kiểm tra phòng học, mở và khóa phòng học đúng thời gian đảm bảo lịch thi và bảo vệ cơ sở vật chất.

*** Kiểm tra trực tuyến (giữa kỳ và cuối kỳ, khi cần thiết)**

Bộ phận khảo thí, thư ký hội đồng, giáo viên tin học thực hiện các nhiệm vụ:

- Lên lịch thi trên Classroom 1 lớp trực tiếp tương ứng 1 đường liên kết để đảm bảo không quá 45hs/1 phòng để tất cả học sinh đều hiển thị trên màn hình (kiểm tra theo lớp trực tiếp).

- Hoàn thiện đề kiểm tra trên phần mềm tổ chức kiểm tra đảm bảo đúng nội dung, thời gian kiểm tra.

- Phân công giáo viên coi thi, hướng dẫn giáo viên vào đúng đường liên kết.

- Tổng hợp kết quả kiểm tra gửi cho tổ chuyên môn để đánh giá, duyệt kết quả.

- Cập nhật điểm lên phần mềm Smast sau khi tổ chuyên môn phê duyệt.

3.7. Công tác trả bài - phúc khảo

- Bài tự luận chấm trực tiếp trên bài làm của học sinh ghi điểm bằng chữ và số trên bài làm giấy thi theo mẫu của Bộ GD và ĐT dùng cho thi quốc gia.

- Bài làm trắc nghiệm và tự luận: làm trên phiếu tự luận trắc nghiệm được trường thiết kế riêng, phần trắc nghiệm chấm bằng máy không ghi điểm lên phiếu, phần tự luận ghi điểm trực tiếp lên bài làm sau đó cộng điểm phần trắc nghiệm và ghi điểm tổng lên phiếu.

- Bài thi trắc nghiệm làm trên phiếu trả lời trắc nghiệm chấm bằng máy, sau chấm ghi điểm lên phiếu.

- Các tổ chuyên môn sau khi chấm bài xong phải trả bài cho học sinh (trả theo phòng thi hoặc theo lớp). Công bố đáp án tự luận và trắc nghiệm để học sinh đối chiếu.

- **Kiểm tra trực tuyến:** sau kiểm tra GVBM công bố đề và đáp án lên hệ thống học trực tuyến cho học sinh theo dõi.

- Hướng dẫn học sinh có nhu cầu phúc khảo bài thi thì nộp bài tại phòng khảo thí (ghi rõ nội dung phúc khảo ở lề trên của bài thi và nộp cho khảo thí), thời gian nộp phúc khảo chậm nhất sau 2 ngày kể từ ngày trả bài (sau thời gian này nhà trường không giải quyết).

- Bộ phận khảo thí tập hợp bài phúc khảo, phân công giáo viên chấm phúc khảo, công bố kết quả và điều chỉnh điểm trong phần mềm Smast nếu có thay đổi.

Trên đây là kế hoạch chung của nhà trường. Yêu cầu BGH, tổ bộ môn, giáo viên, học sinh thực hiện nghiêm túc kế hoạch.

3.8. Lịch kiểm tra

3.8.1. Lịch kiểm tra tập trung giữa kỳ I

STT	TUẦN	THỜI GIAN	MÔN	KHỐI LỚP	THỜI GIAN LÀM BÀI	HÌNH THỨC KIỂM TRA	GHI CHÚ
1	9	Sáng thứ 5 02/11/2023	Ngữ văn	12	90 phút	Tự luận	
			Vật lý	12	45 phút	Trắc nghiệm	
		Chiều thứ 5 02/11/2023	Ngữ văn	10, 11	90 phút	Tự luận	
			Vật lý	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
2	9	Sáng thứ 6	Sinh học	12	45 phút	Trắc nghiệm	

		03/11/2023	Lịch sử	12	45 phút	Trắc nghiệm			
			Địa lý	12	45 phút	Trắc nghiệm			
		Chiều thứ 6 03/11/2023	Sinh học	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3		
			Lịch sử	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	4:6		
				Sáng thứ 3 07/11/2023	Toán	12	90 phút	Trắc nghiệm	
					Hóa học	12	45 phút	Trắc nghiệm	
3	10	Chiều thứ 3 07/11/2023	Toán	10, 11	90 phút	Trắc nghiệm và tự luận			
			Hóa học	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3		
4	11	Sáng thứ 4 15/11/2023	Tiếng anh	12	60 phút	Trắc nghiệm			
			GDCD	12	45 phút	Trắc nghiệm	7:3		
		Chiều thứ 4 15/11/2023	Tiếng anh	10, 11	60 phút	Nghe, nói, đọc, <i>viết</i> (TN+TL)			
			KT-PL	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3		

3.8.2. Lịch kiểm tra tập trung giữa kì II

STT	TUẦN	THỜI GIAN	MÔN	KHỐI LỚP	THỜI GIAN LÀM BÀI	HÌNH THỨC KIỂM TRA	GHI CHÚ
1	26	Sáng thứ 3 12/3/2024	Ngữ văn	12	90 phút	Tự luận	
			Địa lí	12	45 phút	Trắc nghiệm	
			Sinh học	12	45 phút	Trắc nghiệm	
		Chiều thứ 3 12/3/2024	Ngữ văn	10, 11	90 phút	Tự luận	
			Sinh học	10, 11,	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
2	27	Sáng thứ 6 22/3/2024	Vật lý	12	45 phút	Trắc nghiệm	
			Lịch sử	12	45 phút	Trắc nghiệm	4:6
			GDCD	12	45 phút	Trắc nghiệm	
		Chiều thứ 6 22/3/2024	Vật lý	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
			Lịch sử	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	4:6
			KT-PL	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
3	28	Sáng thứ 5 28/3/2024	Toán	12	90 phút	Trắc nghiệm	
			Hóa học	12	45 phút	Trắc nghiệm	
		Chiều thứ 5 28/3/2024	Toán	10, 11	90 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
			Hóa học	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
4	28	Sáng thứ 7 30/3/2024	Tiếng anh	12	60 phút	Trắc nghiệm	
			Lịch sử	12	45 phút	Trắc nghiệm	
		Sáng thứ 7 30/3/2024	Tiếng anh	10, 11	60 phút	Nghe, nói, đọc, <i>viết</i> (TN+TL)	
4	29	Sáng thứ 2 01/4/2024	Địa lí	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	4:6

3.8.3. Lịch kiểm tra tập trung cuối kì I

STT	TUẦN	THỜI GIAN	MÔN	KHỐI LỚP	THỜI GIAN LÀM BÀI	HÌNH THỨC KIỂM TRA	GHI CHÚ
1	17	Sáng thứ 4 27/12/2023	Ngữ văn	12	90 phút	Tự luận	
			Tiếng Anh	12	60 phút	Nghe, đọc, <i>viết</i> (TN+TL)	
		Chiều thứ 4 27/12/2023	Ngữ văn	10, 11	90 phút	Tự luận	
			Tiếng Anh	10, 11	60 phút	Nghe, đọc, <i>viết</i> (TN+TL)	
		Sáng thứ 6 29/12/2023	Lịch sử	12	45 phút	Trắc nghiệm	
			Địa lý	12	45 phút	Trắc nghiệm	

			GDCD	12	45 phút	Trắc nghiệm	
		Chiều thứ 6 29/12/2023	Lịch sử	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm + TL	4:6
			Địa Lý	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm + TL	4:6
			KT-PL	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm + TL	7:3

STT	TUẦN	THỜI GIAN	MÔN	KHỐI LỚP	THỜI GIAN LÀM BÀI	HÌNH THỨC KIỂM TRA	GHI CHÚ
1	18	Sáng thứ 4 03/1/2024	Toán	12	90 phút	Tự luận	
			Nói tiếng Anh	11		Nói	
		Chiều thứ 4 03/01/2024	Toán	10, 11	90 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
			Nói tiếng Anh	10		Nói	
		Sáng thứ 6 05/1/2024	Vật lý	12	45 phút	Trắc nghiệm	
			Hóa học	12	45 phút	Trắc nghiệm	
			Sinh học	12	45 phút	Trắc nghiệm	
		Chiều thứ 6 05/1/2024	Vật lý	10, 11	90 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
			Hóa học	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
			Sinh học	10, 11	60 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3

3.8.4. Lịch kiểm tra tập trung cuối kì II

3.8.4.1. Khối 12

STT	TUẦN	THỜI GIAN	MÔN	KHỐI LỚP	THỜI GIAN LÀM BÀI	HÌNH THỨC KIỂM TRA	GHI CHÚ
1	34	Sáng thứ 2 06/5/2024	Ngữ văn	12	90 phút	Tự luận	
		Chiều thứ 2 06/5/2024	Toán	12	90 phút	Trắc nghiệm	
		Sáng thứ 3 07/5/2024	Vật lý	12	45 phút	Trắc nghiệm	
			Hóa học	12	45 phút	Trắc nghiệm	
			Sinh học	12	45 phút	Trắc nghiệm	
		Sáng thứ 4 08/5/2024	Lịch sử	12	90 phút	Trắc nghiệm	
			Địa Lý	12	45 phút	Trắc nghiệm	
			GDCD	12	45 phút	Trắc nghiệm	
		Sáng thứ 5 09/5/2024	Tiếng Anh	12	60 phút	Trắc nghiệm	

3.8.4.2. Khối 10, 11

STT	TUẦN	THỜI GIAN	MÔN	KHỐI LỚP	THỜI GIAN LÀM BÀI	HÌNH THỨC KIỂM TRA	GHI CHÚ
1	35	Sáng thứ 2 13/5/2024	Ngữ văn	10, 11	90 phút	Tự luận	
		Chiều thứ 2 13/5/2024	Toán	10, 11	90 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
		Sáng thứ 3 14/5/2024	Vật lý	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
			Hóa học	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
			Sinh học	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
		Sáng thứ 4 15/5/2024	Lịch sử	10, 11	90 phút	Trắc nghiệm và tự luận	4:6
			Địa Lý	10, 11	45 phút	Trắc nghiệm và tự luận	4:6

		KT-PL	10, 11	60 phút	Trắc nghiệm và tự luận	7:3
	Sáng thứ 5 16/5/2024	Tiếng Anh	10, 11	60 phút	Nghe, nói, đọc, viết (TN+TL)	

4. Lịch thi thử năm 2024

STT	Buổi	Bài thi/môn thành phần bài thi tổ hợp		Hình thức thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài	Ghi chú
1	Sáng thứ 6 10/5/2024	Ngữ Văn		Tự luận	120 phút	7h30	7h35	
	Chiều thứ 6 10/5/2024	Toán		Trắc nghiệm	90 phút	14h20	14h30	
2	Sáng thứ 7 11/5/2024	Bài thi KHTN	Vật lí	Trắc nghiệm	50 phút	7h30	7h35	
			Hóa học	Trắc nghiệm	50 phút	8h30	8h35	
			Sinh học	Trắc nghiệm	50 phút	9h30	9h35	
		Bài thi KHXH	Lịch sử	Trắc nghiệm	50 phút	7h30	7h35	
			Địa lí	Trắc nghiệm	50 phút	8h30	8h35	
			GDCD	Trắc nghiệm	50 phút	9h30	9h35	
Chiều thứ 7 11/5/2024	Tiếng anh		Trắc nghiệm	60 phút	14h20	14h30		

Trên đây là kế hoạch **dự kiến** kiểm tra giữa kì, cuối kì và thi thử TN THPT. Giáo viên và các bộ phận căn cứ thực hiện. Tùy tình hình thực tế có thể điều chỉnh cho phù hợp thời điểm.

Nơi nhận:

- Các tổ CM
- Lưu: VT, HTK.

TK. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Mỹ